

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu và ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thái Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 443/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 28/5/1987, CCCD số: 075187016572

Nơi cư trú: 7/1 ấp A, xã H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/5/1987, CCCD số 075087012903.

Nơi cư trú: 7/1 ấp A, xã H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông V xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà Nguyễn Thị Hương T trình bày:**

Bà T và ông Nguyễn Quang V tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/12/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng bình thường tuy nhiên sau một thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, xảy ra những bất hòa trong sinh hoạt mà không thể nào giải quyết được, ông V không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu và về đánh bà T. Bà T và ông V đã không sống cùng với

nhau hơn 10 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang V.

Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 19/5/2008, cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 02/01/2020. Hiện nay cháu H, cháu T2 và cháu T1 đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, cháu Nguyễn Huy H và cháu Nguyễn Hoàng T2. Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ tháng/ con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

**** Tại bản tự khai ngày 05/11/2025 ông Nguyễn Quang V trình bày:***

Ông Nguyễn Quang V và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn. Hiện nay ông V và bà T đã ly thân 08 tháng nay. Nay bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Hương T, vì ông vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 19/5/2008, cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 02/01/2020. Hiện nay 03 con chung đang sống cùng với bà T. Nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông V đồng ý giao 03 con chung ở với mẹ là bà T. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, thì nếu ông V đi làm thì ông V đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng/ con.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quang V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông V không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, ông V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hương T được ly hôn với ông Nguyễn Quang V.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 19/5/2008, cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 02/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng/ con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Hương T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang V vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T, bị đơn ông Nguyễn Quang V. Bà T và ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hương T và ông Nguyễn Quang V là hợp pháp, kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Nay bà T xin ly hôn với ông V, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hương T thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông V đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong suốt quá trình tố tụng vụ án bà T trình bày: Bà T và ông V thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện tại, bà T và ông V đã không sống cùng với nhau, ly thân hơn 10 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm bà T dành cho ông V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà T và ông V không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng đã ly thân

hơn 10 tháng nay. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ để cho ông V, bà T có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng ông V vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông V cũng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Qua đó, thể hiện bản thân ông V cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với bà T. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T, ông V đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông V.

2.2. Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 03 con chung, ông Nguyễn Quang V đồng ý giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, cháu Nguyễn Huy H và cháu Nguyễn Hoàng T2 đang sống cùng bà T, phát triển tốt và cháu T1 và cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, tại thời điểm hiện nay việc giao con chung là: cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 19/5/2008, cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 02/01/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng/ con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Kể từ khi bà Nguyễn Thị Hương T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Nguyễn Quang V chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Quang V. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hương T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương T. Cho Nguyễn Thị Hương T được ly hôn với ông Nguyễn Quang V.

2. Về con chung:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị Hương T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 19/5/2008, cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 15/5/2012 và cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 02/01/2020.

+ Ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng/ con kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Hương T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Nguyễn Quang V chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Quang V. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Quang V. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hương T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu

số 0004118 ngày 17/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị Hương T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hương T và ông Nguyễn Quang V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV3-Đồng Nai;
- UBND xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai (Giấy đăng ký kết hôn ngày 11/12/2007, số 107/KH do UBND xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp);
- Phòng T.H.A. dân sự KV3-Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh